

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 22 /2021/HNGĐ-ST

Ngày 31 – 5 -2021

“V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Quý
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Bạo – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 133/20201/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXX - ST ngày 14 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1979

HKTT: Khu phố 4, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Anh Phạm Thế N, sinh năm 1971

HKTT: Khu phố 1, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Nam

Tạm trú: Khu phố 4, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nchung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013, có tổ chức đám nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình sống chung, vợ chồng không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có sự yêu thương tôn trọng lẫn nhau. Anh N không lo làm ăn, ghen tuông vô cớ, vợ chồng cãi vã thường xuyên.

Chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể kéo dài cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có một người con chung tên Phạm Thị Thanh Hsinh ngày 11/8/2015. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Thế N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận anh và chị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013, có tổ chức đám cưới và không có đăng ký kết hôn theo quy định. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, anh thừa nhận vợ chồng có cãi vã, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, chị L thiếu tôn trọng và quan tâm đến anh. Do mâu thuẫn nên từ cuối năm 2019 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Nay chị L yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị L có một người con chung Phạm Thị Thanh Hương, sinh ngày 11/8/2015. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu Hương cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, nguyên đơn theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 14, 15, khoản 2 Điều 53, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh N và giải quyết về con chung. Do đó, xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại khu phố 4, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị L và anh N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị L, Hội đồng xét xử xét thấy anh N và chị L không đăng ký kết hôn nhưng chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị L có yêu cầu ly hôn với anh N thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Điều 53 luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh N có một người con chung Phạm Thị Thanh H sinh ngày 11/8/2015. Chị L và anh N thống nhất thỏa thuận giao cháu H cho chị L nuôi dưỡng và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, trong thời gian ly thân chị L là người trực tiếp nuôi con, cháu H vẫn phát triển tốt. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh N thống nhất không có nên không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015 và khoản 5 Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án nguyên đơn phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị L và anh Phạm Thế N.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Thanh H, sinh ngày 11/8/2015 cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung; nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo Biên lai thu số 0007164 ngày 25/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bình Phước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

“Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TA, VKS tỉnh Bình Phước;
- CA, VKS TX. Phước Long;
- Chi cục THA TX Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thị Tịnh

